

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN DƯƠNG  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 23 -9-2020  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Văn Tuấn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Tĩnh

Bà Đồng Thị Thường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 231/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55 ngày 15 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Tiến N; cư trú tại: Thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Hà Thị Q; cư trú tại: Thôn B, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai, và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Tiến N trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh kết hôn với chị Hà Thị Q do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quốc Tuấn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào ngày 16 tháng 9 năm 2019. Trước khi đăng ký kết hôn, anh và chị Q đã chung sống với nhau từ năm 2018 tại thôn Kiều Thượng, xã Quốc Tuấn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Thời gian vợ chồng chung sống cùng nhau xảy ra

hiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, to tiếng, xúc phạm nhau. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, không còn sự quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên anh Nguyễn Tiến N đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hà Thị Q.

*Về con chung:* Anh và chị Hà Thị Q có 01 con chung là Nguyễn Hà Gia H, sinh ngày 28 tháng 6 năm 2019. Ly hôn, do con chung còn nhỏ nên anh đề nghị Tòa án giao con chung cho chị Hà Thị Q nuôi dưỡng. Anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Q là 2.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

*Về tài sản chung:* Anh Nguyễn Tiến N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Bản tự khai ngày 20 tháng 7 năm 2020, bị đơn là chị Hà Thị Q trình bày:*

Chị xác định về thời gian, điều kiện kết hôn và thời gian chung sống của vợ chồng như anh Nguyễn Tiến N trình bày là đúng. Quá trình chung sống của vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể dung hòa được do có những bất đồng trong tính cách, quan điểm, vợ chồng thiếu sự thủy chung, tin tưởng nhau nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, xúc phạm nhau. Vợ chồng đã sống ly thân gần một năm nay, không còn sự quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên anh Nguyễn Tiến N xin ly hôn, chị cũng đồng ý ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Tiến N có 01 con chung là Nguyễn Hà Gia H, sinh ngày 28 tháng 6 năm 2019. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị nuôi dưỡng và yêu cầu anh N phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho chị là 4.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn đã không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do đã vi phạm các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự

- *Về nội dung:* Căn cứ quy định tại Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử cho anh Nguyễn Tiến N được ly hôn với chị Hà Thị Q. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Hà Gia H, sinh ngày 28 tháng 6 năm 2019 cho chị Hà Thị Q nuôi

dưỡng. Anh Nguyễn Tiến N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Q là 2.000.000đ/tháng. Thời hạn nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Anh Nguyễn Tiến N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Anh Nguyễn Tiến N có đơn khởi kiện xin ly hôn với chị Hà Thị Q. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Hà Thị Q cư trú tại thôn B, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, chị Hà Thị Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện An Dương tiến hành xét xử vắng mặt chị Hà Thị Q.

- Về nội dung:

[3] Anh Nguyễn Tiến N và chị Hà Thị Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Quốc Tuấn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 16 tháng 9 năm 2019, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của các bên đương sự; các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở xác định: Trước khi đăng ký kết hôn, anh Nguyễn Tiến N và chị Hà Thị Q có thời gian chung sống cùng nhau từ năm 2018 tại thôn Kiều Thượng, xã Quốc Tuấn. Quá trình chung sống, hai người đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thiếu sự tin tưởng nhau nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, xúc phạm nhau. Anh Nguyễn Tiến N và chị Hà Thị Q đều có quan điểm xác định vợ chồng không còn tình cảm, hôn nhân không có hạnh phúc và đều có nguyện vọng được ly hôn. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị Q đã rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài. Nên việc anh Nguyễn Tiến N và chị Hà Thị Q thuận tình ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về con chung: Anh Nguyễn Tiến N và chị Hà Thị Q có 01 con chung là Nguyễn Hà Gia H, sinh ngày 28 tháng 6 năm 2019. Ly hôn, anh Nguyễn Tiến N và chị Hà Thị Q đều có quan điểm giao con chung cho chị Q nuôi dưỡng. Xét thấy, quan điểm về việc nuôi con của anh N và chị Q là tự nguyện. Mặt khác, con chung còn nhỏ (dưới 36 tháng ) nên giao cho mẹ nuôi dưỡng sẽ tốt hơn. Do đó, quan

điểm về việc giao con cho chị Q nuôi dưỡng sau khi ly hôn của anh N và chị Q là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Q nuôi con và yêu cầu anh N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho chị là 4.000.000đ/tháng; anh N có quan điểm có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho chị Q là 2.000.000đ/tháng. Xét thấy, chị Q nuôi con chung và có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh N là chính đáng. Tuy nhiên, căn cứ mức thu nhập thực tế hàng tháng của chị Q và anh N (anh N là thợ cắt tóc, chị Q làm spa), xét thấy mức cấp dưỡng nuôi con (4.000.000đ/tháng) như chị Q yêu cầu đối với anh N là cao nên cần điều chỉnh lại mức cấp dưỡng là 2.000.000đ/tháng như quan điểm của anh N đưa ra là hợp lý và có căn cứ chấp nhận.

[7] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Tiến N và chị Hà Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[8] Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Tiến N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Tiến N và chị Hà Thị Q được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 6; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Tiến N được ly hôn với chị Hà Thị Q.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hà Gia H, sinh ngày 28 tháng 6 năm 2019 cho chị Hà Thị Q nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Tiến N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho chị Hà Thị Q là 2.000.000đ/tháng. Thời hạn nuôi con và cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng nói trên, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày chị Hà Thị Q có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Nguyễn Tiến N không

nộp thì hàng tháng anh N còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Tiến N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con để sung Ngân sách Nhà nước. Anh N đã nộp số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 0012686 ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương; anh N còn phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương;
- UBND xã Quốc Tuấn;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Cao Văn Tuấn**

***Nơi nhận:***

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương;
- UBND xã Tân Tiến;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trương Minh Huế**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Văn Thi**

**Ngô Văn Miên**

**Trương Minh Huế**

